

# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	4 – 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 40

Y  
UH  
N  
AN  
19/11

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN  
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

**1. Thông tin chung**

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước) từ ngày 18 tháng 05 năm 2011.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300649476, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 07 năm 2010 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 6 ngày 19 tháng 08 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty được UBCK chấp nhận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 119/UBCK-GSĐC ngày 09 tháng 01 năm 2017, cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là PEG được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 19/2018/GCNCP-VDS ngày 11 tháng 04 năm 2018 với số lượng chứng khoán đăng ký là 248.877.470 cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn thực góp của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 2.600.000.000.000 VND và 2.488.774.701.456 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 2.600.000.000.000 VND và 2.488.774.701.456 VND).

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028. 3930 3633 – 3930 3299
- Fax : 028. 3930 5686 – 3930 5991

Các chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Hải Phòng
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP – Xí nghiệp xăng dầu An Hải
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Thái Bình
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Bình Định
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Quảng Trị
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Quảng Nam
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP – Xí nghiệp xăng dầu Hoà Hiệp Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Cần Thơ
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Tây Ninh
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Vĩnh Long
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP – Xí nghiệp xăng dầu Petec Cái Mép
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Sài Gòn
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Ninh Thuận
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Long An
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Hậu Giang
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Cà Mau
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Bình Thuận
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Vũng Tàu
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Trà Vinh
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Bình Phước
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Lâm Đồng
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Bình Dương
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Đồng Tháp



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, tổ chức kênh bán buôn xăng dầu;
- Xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ;
- Xuất nhập khẩu phân bón;
- Cung cấp dịch vụ hàng hải bao gồm đại lý tàu biển, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ xăng dầu);
- Đại lý tiêu thụ hàng hoá, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy, hải sản;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu đường bộ, đường thủy;
- Sản xuất dầu mỡ tinh chế (không hoạt động tại trụ sở);
- Xuất nhập khẩu phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê.

Ngày 31 tháng 05 năm 2013, Bộ Công thương đã ban hành Công văn số 3584/QĐ-BCT thu hồi Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu của Công ty. Theo đó, Công ty không còn là thương nhân đầu mối nhập khẩu xăng dầu theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu.

### **2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch
Ông Huỳnh Đức Trường	Thành viên
Ông Mai Quang Vinh	Thành viên (đến ngày 01/06/2020)
Ông Nguyễn Kim Sơn	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Hoàng Anh Tuấn	Trưởng ban
Bà Diệp Thu Thủy	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Huỳnh Đức Trường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thu Phong	Phó tổng giám đốc (từ ngày 08/07/2020)

#### **Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Huỳnh Đức Trường.

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN  
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**7. Khả năng hoạt động liên tục**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 Công ty có số dư Nợ ngắn hạn lớn hơn số dư Tài sản ngắn hạn là 238.935.201.410 VND, trong đó khoản phải trả cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (công ty mẹ) là 527.408.907.543 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và thanh toán nợ đến hạn. Vào ngày phát hành báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty hoạt động không có lãi trong tương lai và Công ty đảm bảo đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn.

**8. Công bố các báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Ông HUỖNH ĐỨC TRƯỞNG

Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2020



Số: 184/2020/BCSX-HCM.01072

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty cổ phần ("Công ty"), được lập ngày 21 tháng 7 năm 2020, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như đã nêu tại mục 5.3 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 05 năm 2011 (thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần) với số tiền là 169.785.513.359 VND. Khoản phải thu khác này phát sinh từ việc xác định phần vốn Nhà nước tại ngày 18 tháng 05 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan Nhà nước có liên quan phê duyệt quyết toán. Do đó, chúng tôi chưa có đủ thông tin về giá trị sẽ được quyết toán và khoản chênh lệch (nếu có) so với giá trị ghi nhận trên khoản mục này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên Báo cáo tài chính hay không.



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tính hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại mục 5.13 của Thuyết minh báo cáo tài chính: tại ngày 24 tháng 10 năm 2017, Kiểm toán Nhà nước ra Thông báo số 836/TB-KKNN về việc truy thu thuế bảo vệ môi trường giai đoạn 2015 – 2016 tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam, trong đó số tiền truy thu đối với Công ty (là công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam) là 13.880.150.000 VND. Theo đó, ngày 14 tháng 11 năm 2017 Công ty đã có Văn bản số 005166/PTC-TCKT gửi Kiểm toán Nhà nước về việc giải trình số tiền truy thu thuế bảo vệ môi trường, Công văn số 005346/PTC-TCKT ngày 27 tháng 11 năm 2017 gửi Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về việc phúc đáp Công văn số 15818/TB-CT ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc nộp thuế bảo vệ môi trường theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và Công ty tiếp tục gửi Công văn số 002991/PTC-TCKT ngày 21 tháng 06 năm 2019 đến Kiểm toán Nhà nước kiến nghị liên quan đến vấn đề này. Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, Công ty chưa hạch toán khoản tiền truy thu thuế bảo vệ môi trường nêu trên mà chờ kết quả xử lý kiến nghị của Công ty.

Như đã nêu tại mục 9.3 của Thuyết minh báo cáo tài chính: Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 Công ty có số dư Nợ ngắn hạn lớn hơn số dư Tài sản ngắn hạn là 238.935.201.410 VND, trong đó khoản phải trả cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (công ty mẹ) là 527.408.907.543 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và thanh toán nợ đến hạn. Vào ngày phát hành báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty hoạt động không có lãi trong tương lai và Công ty đảm bảo đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn. Do vậy, các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai.



**TRANG ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2020

**NGUYỄN THỊ THANH MINH**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>372.505.985.102</b>	<b>429.328.551.445</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>20.156.116.090</b>	<b>20.133.356.079</b>
Tiền	111		20.156.116.090	20.133.356.079
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>310.628.384.553</b>	<b>357.719.744.639</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	744.102.661.171	787.590.731.658
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.211.295.397	7.417.693.818
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	195.914.930.910	195.551.585.065
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(634.603.458.963)	(632.846.402.378)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.4	2.956.038	6.136.476
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.6	<b>35.559.325.003</b>	<b>46.386.509.538</b>
Hàng tồn kho	141		35.559.325.003	46.386.509.538
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.162.159.456</b>	<b>5.088.941.189</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	2.336.069.542	2.669.525.506
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.826.089.914	2.419.415.683
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.007.820.090.737</b>	<b>1.015.081.612.929</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>576.846.334.004</b>	<b>583.879.179.115</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	312.996.583.753	319.506.452.634
Nguyên giá	222		641.265.569.793	637.639.641.448
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(328.268.986.040)	(318.133.188.814)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	263.849.750.251	264.372.726.481
Nguyên giá	228		275.888.122.114	275.888.122.114
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.038.371.863)	(11.515.395.633)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>61.373.583.146</b>	<b>60.545.291.512</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	61.373.583.146	60.545.291.512
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.11	<b>109.657.852.304</b>	<b>109.109.940.049</b>
Đầu tư vào công ty con	251		74.447.968.267	74.447.968.267
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		37.917.867.223	37.917.867.223
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		32.408.321.443	32.408.321.443
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(35.116.304.629)	(35.664.216.884)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>259.942.321.283</b>	<b>261.547.202.253</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	259.942.321.283	261.547.202.253
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.380.326.075.839</b>	<b>1.444.410.164.374</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>619.441.186.512</b>	<b>619.821.120.030</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>611.441.186.512</b>	<b>616.821.120.030</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	530.739.025.275	528.268.219.006
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.585.041.030	3.418.071.612
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	56.185.255.966	73.326.598.102
Phải trả người lao động	314		10.361.440.896	8.201.998.931
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	184.090.909
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		40.363.636	144.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	5.108.069.992	3.377.283.573
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	5.530.000.000	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(108.010.283)	(99.142.103)
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.14	8.000.000.000	3.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	30/06/2020 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>760.884.889.327</b>	<b>824.589.044.344</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.16	<b>760.884.889.327</b>	<b>824.589.044.344</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.488.774.701.456	2.488.774.701.456
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.727.889.812.129)	(1.664.185.657.112)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(1.664.185.657.112)	(1.666.222.373.750)
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(63.704.155.017)	2.036.716.638
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.380.326.075.839</b>	<b>1.444.410.164.374</b>



**NGUYỄN HANH HOÀNG**  
 Người lập biểu



**BÙI MINH HIỆP**  
 Kế toán trưởng



**HUỲNH ĐỨC TRƯỞNG**

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2020

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.213.191.380.341	1.931.628.248.001
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.213.191.380.341	1.931.628.248.001
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.188.640.383.705	1.831.420.139.628
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>24.550.996.636</b>	<b>100.208.108.373</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	44.660.108	964.467.539
Chi phí tài chính	22	6.4	385.446.200	(27.716.866)
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		49.440.954	29.410.913
Chi phí bán hàng	25	6.5	67.619.194.071	73.324.049.330
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	21.498.603.969	24.875.909.819
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(64.907.587.496)</b>	<b>3.000.333.629</b>
Thu nhập khác	31	6.7	1.260.434.439	659.948.151
Chi phí khác	32	6.8	57.001.960	1.094.375.438
<b>Lợi nhuận/ (lỗ) khác</b>	<b>40</b>		<b>1.203.432.479</b>	<b>(434.427.287)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(63.704.155.017)</b>	<b>2.565.906.342</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.13	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(63.704.155.017)</b>	<b>2.565.906.342</b>



**NGUYỄN HANH HOÀNG**  
Người lập biểu



**BÙI MINH HIỆP**  
Kế toán trưởng



**HUYỄN ĐỨC TRƯỜNG**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2020



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

	Mã số	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	(63.704.155.017)	2.565.906.342
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	13.337.668.689	13.677.225.282
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	1.209.144.330	970.875.479
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	917.160.749	(655.254.006)
Chi phí lãi vay	06	49.440.954	29.410.913
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(48.190.740.295)</b>	<b>16.588.164.010</b>
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	43.795.629.270	(36.898.461.167)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	10.827.184.535	16.104.217.550
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.901.065.338)	11.396.499.035
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.938.336.934	4.425.160.570
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(49.440.954)	(29.410.913)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.419.904.152</b>	<b>11.586.169.085</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.107.878.832)	(7.777.682.727)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	4.090.909	18.181.818
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.080.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	176.643.782	637.072.188
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(7.927.144.141)</b>	<b>(9.202.428.721)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	28.107.560.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(22.577.560.000)	(6.863.800.000)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>5.530.000.000</b>	<b>(6.863.800.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>22.760.011</b>	<b>(4.480.059.636)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>20.133.356.079</b>	<b>22.753.213.420</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>20.156.116.090</b>	<b>18.273.153.784</b>

**NGUYỄN HANH HOÀNG**

Người lập biểu

**BÙI MINH HIỆP**

Kế toán trưởng

**HUYNH ĐỨC TRƯƠNG**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2020



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước) từ ngày 18 tháng 05 năm 2011.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300649476, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 07 năm 2010 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 6 ngày 19 tháng 08 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty được UBCK chấp nhận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 119/UBCK-GSDC ngày 09 tháng 01 năm 2017, cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là PEG được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 19/2018/GCNCP-VDS ngày 11 tháng 04 năm 2018 với số lượng chứng khoán đăng ký là 248.877.470 cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn thực góp của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 2.600.000.000.000 VND và 2.488.774.701.456 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 2.600.000.000.000 VND và 2.488.774.701.456 VND).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực xăng dầu.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

- Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, tổ chức kênh bán buôn xăng dầu;
- Xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ;
- Xuất nhập khẩu phân bón;
- Cung cấp dịch vụ hàng hải bao gồm đại lý tàu biển, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ xăng dầu);
- Đại lý tiêu thụ hàng hoá, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy, hải sản;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu đường bộ, đường thủy;
- Sản xuất dầu mỡ tinh chế (không hoạt động tại trụ sở);
- Xuất nhập khẩu phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê.

Ngày 31 tháng 05 năm 2013, Bộ Công thương đã ban hành Công văn số 3584/QĐ-BCT thu hồi Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu của Công ty. Theo đó, Công ty không còn là thương nhân đầu mối nhập khẩu xăng dầu theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**1.5 Cấu trúc của Công ty**

**Các công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
– Công ty TNHH MTV Xăng dầu Anpha Vĩnh Long	346B, Ấp Thanh Mỹ, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long	Cho thuê kho chứa xăng dầu, giữ, tiếp nhận, bảo quản và xuất xăng dầu	100%	100%	100%
– Công ty Cổ phần Cà Phê Petec	03 Hoa Đào, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	58,75%	58,75%	58,75%
– Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu (*)	194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 06, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, vận tải hàng hoá bằng đường bộ, đại lý kinh doanh xăng dầu	26,00%	>50,00%	26,00%

(\*) Công ty sở hữu vốn tại Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu (“Petec land”) là 26% vốn, tuy nhiên Công ty có đa số đại diện trong Hội đồng Quản trị nên chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Petec Land, do đó Công ty xem Petec Land là công ty con.

**Các Công ty liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Kinh doanh xăng dầu	31,54%	31,54%	31,54%
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	Lô G1-9, KCN Nam Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh kho vận	28,08%	28,08%	28,08%

**Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Hải Phòng
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP – Xí nghiệp xăng dầu An Hải
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Thái Bình
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Bình Định
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Quảng Trị
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Quảng Nam
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP – Xí nghiệp xăng dầu Hoà Hiệp Đà Nẵng



## **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Cần Thơ
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Tây Ninh
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Vĩnh Long
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP – Xí nghiệp xăng dầu Petec Cái Mép
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Sài Gòn
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Ninh Thuận
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Long An
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Hậu Giang
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Cà Mau
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Bình Thuận
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Vũng Tàu
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Trà Vinh
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Bình Phước
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Lâm Đồng
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Bình Dương
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Đồng Tháp

#### **1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

#### **1.7 Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, tổng số nhân viên của Công ty là 448 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 451 người).

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### **Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

###### **Công ty con**

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

###### **Công ty liên doanh**

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

###### **Công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng kể từ khi phát sinh, thời gian phân bổ là 12 tháng.

##### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (40 năm).

##### ***Lợi thế kinh doanh***

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 18 tháng 05 năm 2011 số 3076/BB-DKVN ngày 24 tháng 11 năm 2010. Lợi thế kinh doanh được căn trừ với tiền thuê đất phải nộp hàng năm.

#### **4.8 Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### **4.9 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
Máy móc, thiết bị	05 – 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20 năm
Tài sản cố định khác	25 năm

#### **4.10 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

##### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất của Công ty không thời hạn không được tính khấu hao.

##### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### **4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

#### **4.13 Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### **4.14 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

---

ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**4.16 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### 4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

#### 4.19 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 4.20 Công cụ tài chính

##### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.



### **Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **4.21 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

<b>Công ty / đối tượng</b>	<b>Quan hệ</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty mẹ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ cấp cao
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Anpha Vĩnh Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Cà Phê Petec	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu	Công ty con
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	684.820.874	384.382.478
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	18.417.488.679	18.396.972.148
- USD	47.684.131	47.955.261
- EUR	7.692.823	7.834.018
- SGD	4.837.753	5.013.784
Tiền đang chuyển	993.591.830	1.291.198.390
	<b>20.156.116.090</b>	<b>20.133.356.079</b>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2020:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- USD	2.159,69	47.684.131
- EUR	297,48	7.692.823
- SGD	303,13	4.837.753
		<b>60.214.707</b>

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu	10.104.162.991	10.104.162.991
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	6.616.364.094	6.669.673.895
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	5.375.453.184	5.452.960.984
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	205.466.910	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	124.164.578.894
Công ty Cổ phần ĐT và PT Xăng dầu Tiền Phong	118.524.357.430	118.524.357.430
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	87.946.610.123
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	77.865.356.829
Các khách hàng khác	313.300.310.716	356.863.030.512
	<b>744.102.661.171</b>	<b>787.590.731.658</b>

5.3 Phải thu ngắn hạn khác	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>				
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam				
- Khoản lỗ lũy kế trước cổ phần hoá (*)	169.785.513.359	-	169.785.513.359	-
- Phải thu về cổ phần hoá	498.000.000	-	498.000.000	-
Công ty Cổ phần Kho vận Petec - phải thu về cổ tức được chia	1.578.000.000	-	1.710.000.000	-
Công ty Cổ phần Petec Bình Định - phải thu về cổ tức được chia	1.019.262.200	-	1.019.262.200	-



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**Phải thu tổ chức và cá nhân khác**

Tạm ứng	2.018.062.060	-	1.635.947.171	-
Ký cược, ký quỹ	105.500.000	-	105.500.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (**)	20.910.593.291	-	20.797.362.335	-
	<b>195.914.930.910</b>	<b>-</b>	<b>195.551.585.065</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty ghi nhận khoản phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 05 năm 2011 (thời điểm Công ty chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần) với số tiền là 169.785.513.359 VND. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn Nhà nước tại ngày 18 tháng 05 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan Nhà nước có liên quan phê duyệt quyết toán.

(\*\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, có các khoản nợ phải thu khác gồm: Công ty CP DV Cảng Đồng Nai: 3.482.934.400 VND, Công ty TNHH Dầu Nam Dũng: 1.873.249.401 VND, Công ty CP Xây dựng Ngọc Hiện: 913.897.600 VND đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo Thư giải trình của Ban Giám đốc Công ty.

**5.4 Tài sản thiếu chờ xử lý**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Hàng tồn kho (dầu DO)	-	-	608 lít	6.136.476
Xăng (hàng gửi kho)	215 lít	2.956.038	-	-
		<b>2.956.038</b>		<b>6.136.476</b>

**5.5 Nợ xấu**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu	1.067.035.532	1.067.035.532	1.067.035.532	1.067.035.532
<b>Các đối tượng khác</b>				
Công ty CP Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	-	124.164.578.894	-
Công ty CP ĐT và PT Xăng dầu Tiền Phong	118.524.357.430	-	118.524.357.430	-
Công ty CP Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	-	87.946.610.123	-
Công ty CP Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	-	77.865.356.829	-
Công ty CP Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	69.588.325.811	-	69.638.325.811	-
Công ty CP TMDK Vũ Anh	43.257.741.001	-	43.257.741.001	-
Công ty CP Song Phát	26.371.285.621	-	26.371.285.621	-
Công ty CP ĐT & PT Cẩm Giàng	20.010.740.366	-	20.010.740.366	-
Công ty TNHH DV TM Dầu khí Anh Thủy	12.047.043.901	-	12.047.043.901	-
Chi nhánh Công ty CP BĐS & KT Xăng Dầu – Hà Nội	9.037.127.459	9.037.127.459	9.037.127.459	9.037.127.459

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Công ty CP XDDK				
Nam Định	8.440.353.841	8.440.353.841	8.440.353.841	8.440.353.841
Công ty TNHH TM & DV				
DK Ninh Bình	8.906.024.795	-	8.906.024.795	-
Các đối tượng khác	54.628.532.176	-	53.998.532.176	-
	<b>661.855.113.779</b>	<b>18.544.516.832</b>	<b>661.275.113.779</b>	<b>18.544.516.832</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Tại ngày đầu kỳ	632.846.402.378	630.976.339.584
Trích lập dự phòng trong kỳ	1.757.056.585	1.028.573.588
Tại ngày cuối kỳ	<b>634.603.458.963</b>	<b>632.004.913.172</b>

**5.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.622.722.396	-	1.809.399.207	-
Công cụ, dụng cụ	359.666.315	-	273.011.781	-
Hàng hoá	33.576.936.292	-	44.304.098.550	-
	<b>35.559.325.003</b>	<b>-</b>	<b>46.386.509.538</b>	<b>-</b>

**5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	452.635.034	463.150.948
Chi phí bảo hiểm	491.833.600	52.674.057
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.391.600.908	2.153.700.501
	<b>2.336.069.542</b>	<b>2.669.525.506</b>

**5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Lợi thế vị trí địa lý phát sinh từ cổ phần hoá (*)	202.704.878.821	204.269.738.147
Giá trị thương hiệu phát sinh từ cổ phần hoá	1.109.413.772	1.405.256.840
Lợi thế sử dụng đất tại cửa hàng xăng dầu 19/4 Bình Thuận	12.629.887.500	12.811.612.500
Chi phí san lấp mặt bằng	18.848.072.200	19.152.073.366
Chi phí trả trước dài hạn khác	24.650.068.990	23.908.521.400
	<b>259.942.321.283</b>	<b>261.547.202.253</b>

(\*) Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hoá thể hiện giá trị thương hiệu và giá trị lợi thế địa lý đất thuê đối với đất thuê trả tiền hàng năm ghi nhận vào giá trị Công ty, được xác định và phê duyệt khi Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 05 năm 2011.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2020	562.063.953.102	24.778.046.956	46.731.240.711	3.622.991.681	443.408.998	637.639.641.448
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.972.341.368	153.386.364	2.153.859.466	-	-	7.279.587.198
Giảm do thanh lý	(3.380.735.944)	-	-	(272.922.909)	-	(3.653.658.853)
Tại ngày 30/06/2020	563.655.558.526	24.931.433.320	48.885.100.177	3.350.068.772	443.408.998	<b>641.265.569.793</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2020	259.586.765.460	17.830.296.365	36.994.033.612	3.312.367.367	409.726.010	318.133.188.814
Khấu hao trong kỳ	11.221.273.036	674.786.883	864.254.486	54.378.054	8.868.180	12.823.560.639
Giảm do thanh lý	(2.414.840.504)	-	-	(272.922.909)	-	(2.687.763.413)
Tại ngày 30/06/2020	268.393.197.992	18.505.083.248	37.858.288.098	3.093.822.512	418.594.190	<b>328.268.986.040</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2020	302.477.187.642	6.947.750.591	9.737.207.099	310.624.314	33.682.988	319.506.452.634
Tại ngày 30/06/2020	295.262.360.534	6.426.350.072	11.026.812.079	256.246.260	24.814.808	<b>312.996.583.753</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 86.400.013.085 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 80.973.015.812 VND).

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2020	272.433.845.586	3.454.276.528	275.888.122.114
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2020	272.433.845.586	3.454.276.528	<b>275.888.122.114</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2020	8.061.119.105	3.454.276.528	11.515.395.633
Khấu hao trong kỳ	522.976.230	-	522.976.230
Tại ngày 30/06/2020	8.584.095.335	3.454.276.528	<b>12.038.371.863</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2020	264.372.726.481	-	264.372.726.481
Tại ngày 30/06/2020	263.849.750.251	-	<b>263.849.750.251</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2020	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
Mua sắm tại cửa hàng				
- CH Phương Nhân Cần Thơ	9.090.909	-	-	9.090.909
Xây dựng cơ bản				
- Kho cảng xăng dầu				
Cái Mép (giai đoạn 2)	56.164.171.321	-	-	56.164.171.321
- Khu đất Đầm Bà Tài - Hải Phòng	820.562.061	-	-	820.562.061
- Tích hợp quản lý hàng hoá cửa hàng xăng dầu	200.000.000	-	-	200.000.000
- Tự động hoá xuất hàng - Xí nghiệp Hoà Hiệp	110.000.000	-	-	110.000.000
- Trụ đỡ TD13 - Xí nghiệp xăng dầu Cái Mép	135.909.091	4.832.795.913	(4.968.705.004)	-
- Hệ thống báo cháy cửa hàng Hoà Hiệp	-	880.886.751	-	880.886.751
- Bể chứa nước 1.500 m <sup>3</sup> kho An Hải	149.479.845	-	-	149.479.845
Sửa chữa tại kho An Hải và Phú Định	501.532.831	2.240.809.804	(2.157.495.830)	584.846.805
Sửa chữa cầu cảng kho Hoà Hiệp	2.454.545.454	-	-	2.454.545.454
	<b>60.545.291.512</b>	<b>7.954.492.468</b>	<b>(7.126.200.834)</b>	<b>61.373.583.146</b>

**5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con (1)	74.447.968.267	74.447.968.267
Đầu tư vào công ty liên kết (2)	37.917.867.223	37.917.867.223
Đầu tư dài hạn khác (3)	32.408.321.443	32.408.321.443
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (4)	(35.116.304.629)	(35.664.216.884)
	<b>109.657.852.304</b>	<b>109.109.940.049</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

(1) Các khoản đầu tư vào công ty con:

	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Anpha Vĩnh Long	40.000.000.000	-	(*)	40.000.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Cà Phê Petec	24.256.787.384	(5.403.575.708)	(*)	24.256.787.384	(5.807.447.351)	(*)
Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu	10.191.180.883	(8.463.294.054)	(*)	10.191.180.883	(8.527.580.266)	(*)
	<b>74.447.968.267</b>	<b>(13.866.869.762)</b>		<b>74.447.968.267</b>	<b>(14.335.027.617)</b>	

(2) Các khoản đầu tư vào công ty liên kết:

	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	17.018.550.356	-	(*)	17.018.550.356	-	(*)
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	20.899.316.867	(20.899.316.867)	(*)	20.899.316.867	(20.899.316.867)	(*)
	<b>37.917.867.223</b>	<b>(20.899.316.867)</b>		<b>37.917.867.223</b>	<b>(20.899.316.867)</b>	

(3) Các khoản đầu tư dài hạn khác:

	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	4.736.610.000	(350.118.000)	(*)	4.736.610.000	(429.872.400)	(*)
Công ty Cổ phần Âu Lạc	24.424.732.914	-	(*)	24.424.732.914	-	(*)
Công ty Cổ phần VLXD và Chất đốt Đồng Nai	3.246.978.529	-	(*)	3.246.978.529	-	(*)
	<b>32.408.321.443</b>	<b>(350.118.000)</b>		<b>32.408.321.443</b>	<b>(429.872.400)</b>	

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

**Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết**

Các công ty con, công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Tại ngày đầu kỳ	35.664.216.884	35.320.828.476
Trích lập / (hoàn nhập) trong kỳ	(547.912.255)	(57.698.109)
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>35.116.304.629</b>	<b>35.263.130.367</b>

*Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
<b>Công ty TNHH MTV Xăng dầu Anpha Vĩnh Long</b> - Nhận cung cấp dịch vụ	3.763.200.000	3.880.800.000
<b>Công ty Cổ phần Cà Phê Petec</b> - Bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.881.682.545	13.246.628.182
<b>Công ty Cổ phần Petec Bình Định</b> - Bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.331.093.800	-
<b>Công ty Cổ phần Kho vận Petec</b> - Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.736.656.600	11.283.728.000
<b>5.12 Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
<b>5.12.1 Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
	<b>30/06/2020</b> VND	<b>01/01/2020</b> VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	527.408.907.543	525.143.808.573
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Các nhà cung cấp khác	3.330.117.732	3.124.410.433
	<b>530.739.025.275</b>	<b>528.268.219.006</b>
<b>5.12.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
	<b>30/06/2020</b> VND	<b>01/01/2020</b> VND
Công ty CP Hàng hải Dầu khí Hải Âu	147.252.000	147.252.000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Evo	70.000.000	70.000.000
Xí nghiệp DV và XL Thương mại Petrolimex	12.113.044	12.113.044
Công ty CP TKXD Tư vấn đầu tư Nguyễn Gia Phát	12.100.000	12.100.000
	<b>241.465.044</b>	<b>241.465.044</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2020	Số phát sinh trong kỳ		30/06/2020
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	13.376.402.587	32.479.999.013	41.065.230.413	4.791.171.187
Thuế thu nhập cá nhân	117.429.334	87.915.693	201.286.798	4.058.229
Thuế bảo vệ môi trường (*)	59.832.766.181	317.333.841.436	325.776.581.067	51.390.026.550
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.087.179.608	3.087.179.608	-
Thuế khác	-	57.729.511	57.729.511	-
	<b>73.326.598.102</b>	<b>353.046.665.261</b>	<b>370.188.007.397</b>	<b>56.185.255.966</b>

(\*) Tại ngày 24 tháng 10 năm 2017, Kiểm toán Nhà nước ra thông báo số 836/TB-KKNN về việc truy thu thuế bảo vệ môi trường giai đoạn 2015 – 2016 tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam, trong đó số tiền truy thu đối với Công ty (là công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam) là 13.880.150.000 VND. Theo đó, ngày 14 tháng 11 năm 2017 Công ty đã có Văn bản số 005166/PTC-TCKT gửi Kiểm toán Nhà nước về việc giải trình số tiền truy thu thuế bảo vệ môi trường, Công văn số 005346/PTC-TCKT ngày 27 tháng 11 năm 2017 gửi Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về việc phúc đáp Công văn số 15818/TB-CT ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc nộp thuế bảo vệ môi trường theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và Công ty tiếp tục gửi Công văn số 002991/PTC-TCKT ngày 21 tháng 06 năm 2019 đến Kiểm toán Nhà nước kiến nghị liên quan đến vấn đề này. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa hạch toán khoản tiền truy thu thuế bảo vệ môi trường nêu trên mà chờ kết quả xử lý kiến nghị của Công ty

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được ước tính như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(63.704.155.017)	2.565.906.342
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	108.120.342	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(63.596.034.675)</b>	<b>2.565.906.342</b>
Chuyển lỗ từ các năm trước	-	(2.565.906.342)
<b>Chi phí thuế TNDN còn phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**5.14 Phải trả ngắn hạn khác**

**5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Phải trả tổ chức và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn	420.829.451	597.164.840
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	76.133.337	25.960.416
Các khoản phải trả khác	4.611.107.204	2.754.158.317
	<b>5.108.069.992</b>	<b>3.377.283.573</b>

**5.14.2 Phải trả dài hạn khác**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Nhận ký quỹ dài hạn	8.000.000.000	3.000.000.000
	<b>8.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>

**5.14.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

**5.15.1 Vay ngắn hạn**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>				
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh (HD Bank)	5.530.000.000	5.530.000.000	-	-
	<b>5.530.000.000</b>	<b>5.530.000.000</b>	-	-

Là khoản vay có thời hạn 12 tháng theo Hợp đồng tín dụng số 473/20/MN/HĐTĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 với hạn mức là 50.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh xăng, lãi suất vay được quy định trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này không phải thế chấp tài sản để đảm bảo.

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:**

	01/01/2020 VND	Số tiền vay phát sinh trong kỳ VND	Số tiền trả nợ vay trong kỳ VND	30/06/2020 VND
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	-	28.107.560.000	(22.577.560.000)	5.530.000.000
	-	<b>28.107.560.000</b>	<b>(22.577.560.000)</b>	<b>5.530.000.000</b>

**5.15.2 Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có khoản vay ngắn hạn chưa thanh toán.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**5.16 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)**

**5.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư 01/01/2019	2.488.774.701.456	(1.666.222.373.750)	822.552.327.706
Lãi trong kỳ	-	2.565.906.342	2.565.906.342
Số dư 30/06/2019	2.488.774.701.456	(1.663.656.467.408)	825.118.234.048
Số dư 01/07/2019	2.488.774.701.456	(1.663.656.467.408)	825.118.234.048
Lỗ trong kỳ	-	(529.189.704)	(529.189.704)
Số dư 31/12/2019	2.488.774.701.456	(1.664.185.657.112)	824.589.044.344
Số dư 01/01/2020	2.488.774.701.456	(1.664.185.657.112)	824.589.044.344
Lỗ trong kỳ	-	(63.704.155.017)	(63.704.155.017)
<b>Số dư 30/06/2020</b>	<b>2.488.774.701.456</b>	<b>(1.727.889.812.129)</b>	<b>760.884.889.327</b>

**5.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300649476 cấp điều chỉnh lần thứ 6 ngày 19 tháng 08 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 2.600.000.000.000 VND.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 các cổ đông Công ty đã góp 2.488.774.701.456 VND, số vốn còn chưa góp là 111.225.298.544 VND do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Dầu Việt Nam chưa góp đủ do chưa thực hiện quyết toán vốn liên quan đến cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec.

Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

Cổ đông	30/06/2020		01/01/2020	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.353.025.701.456	94,55	2.353.025.701.456	94,55
Các cổ đông khác	135.749.000.000	5,45	135.749.000.000	5,45
	<b>2.488.774.701.456</b>	<b>100,00</b>	<b>2.488.774.701.456</b>	<b>100,00</b>

**5.16.3 Cổ phiếu**

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	248.877.470	248.877.470
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	248.877.470	248.877.470
• Cổ phiếu phổ thông	248.877.470	248.877.470
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	248.877.470	248.877.470
• Cổ phiếu phổ thông	248.877.470	248.877.470
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**5.17 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ**

**5.17.1 Tài sản nhận giữ hộ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty có nhận giữ hộ các tài sản sau:

Tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Chất lượng
Xăng RON 95-không chì	Lít	4.620.495	Tốt
Xăng E5	Lít	1.174.165	Tốt
Dầu DO 0,05%S-II	Lít	39.457.057	Tốt
Dầu FO 3,5%S	Kg	12.568.237	Tốt

**5.17.2 Ngoại tệ các loại**

	30/06/2020	01/01/2020
Dola Mỹ (USD)	2.159,69	2.171,97
Euro (EUR)	297,48	302,94
Dola Singapore (SGD)	303,13	314,16

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**6.1.1 Doanh thu thuần**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hoá	1.177.499.774.425	1.891.762.788.446
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.328.609.846	39.537.962.321
Doanh thu khác	362.996.070	327.497.234
	<b>1.213.191.380.341</b>	<b>1.931.628.248.001</b>

**6.1.2 Doanh thu với bên liên quan**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.937.078.000	1.720.873.508
Công ty Cổ phần Cà Phê Petec	12.881.682.545	13.246.628.182
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	1.880.137.200	11.283.728.000
	<b>16.698.897.745</b>	<b>26.251.229.690</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Giá vốn hàng hoá	1.188.295.434.707	1.831.119.443.327
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	344.948.998	300.696.301
	<b>1.188.640.383.705</b>	<b>1.831.420.139.628</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lãi tiền gửi	44.643.782	38.914.188
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	598.158.000
Chiết khấu thanh toán	-	327.345.236
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	16.326	50.115
	<u>44.660.108</u>	<u>964.467.539</u>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí lãi vay	49.440.954	29.410.913
Chi phí / (hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư	(547.912.255)	(57.698.109)
Chi phí tài chính khác	883.917.501	570.330
	<u>385.446.200</u>	<u>(27.716.866)</u>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	26.239.334.569	28.828.743.563
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.385.695.233	13.687.053.046
Chi phí bán hàng khác	27.994.164.269	30.808.252.721
	<u>67.619.194.071</u>	<u>73.324.049.330</u>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.415.760.068	10.876.675.226
Thuế, phí và lệ phí	3.394.684.799	3.869.719.499
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.688.159.102	10.129.515.094
	<u>21.498.603.969</u>	<u>24.875.909.819</u>

**6.7 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	4.090.909	18.181.818
Thu bồi thường	1.248.855.689	-
Các khoản thu nhập khác	7.487.841	641.766.333
	<u>1.260.434.439</u>	<u>659.948.151</u>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

**6.8 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Các khoản phạt thuế	52.932.474	129.918.657
Các chi phí khác	4.069.486	964.456.781
	<b>57.001.960</b>	<b>1.094.375.438</b>

**6.9 Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	5.077.701.486	3.643.699.415
Chi phí nhân công	34.655.094.637	39.705.418.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.337.668.689	13.677.225.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.157.954.446	24.800.463.421
Chi phí khác	18.967.080.268	16.373.152.242
	<b>94.195.499.526</b>	<b>98.199.959.149</b>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố không bao gồm giá vốn hàng thương mại.

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ****7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	28.107.560.000	-
	<b>28.107.560.000</b>	<b>-</b>

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	22.577.560.000	6.863.800.000
	<b>22.577.560.000</b>	<b>6.863.800.000</b>

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### ***i. Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

#### ***ii. Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.5 và đầu tư dài hạn được trình bày tại thuyết minh số 5.11.

#### ***iii. Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 30 tháng 06 năm 2020</b>			
Các khoản vay	5.530.000.000	-	5.530.000.000
Phải trả người bán	530.739.025.275	-	530.739.025.275
Các khoản chi phí phải trả, phải trả, phải nộp khác	4.611.107.204	8.000.000.000	12.611.107.204
	<b>540.880.132.479</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>548.880.132.479</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2020</b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	528.268.219.006	-	528.268.219.006
Các khoản chi phí phải trả, phải trả, phải nộp khác	2.938.249.226	3.000.000.000	5.938.249.226
	<b>531.206.468.232</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>534.206.468.232</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

**Tài sản đảm bảo**

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2020:

- Công ty không có thế chấp tài sản của mình cho một bên khác; và
- Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

**iv. Giá trị hợp lý**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Phải thu khách hàng	109.499.202.208	154.744.329.280	109.499.202.208	154.744.329.280
Phải thu khác	24.048.355.491	22.014.017.649	24.048.355.491	22.014.017.649
Đầu tư dài hạn	32.357.282.443	31.978.449.043	32.357.282.443	31.978.449.043
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.156.116.090	20.133.356.079	20.156.116.090	20.133.356.079
	<b>186.060.956.232</b>	<b>228.870.152.051</b>	<b>186.060.956.232</b>	<b>228.870.152.051</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	5.530.000.000	-	5.530.000.000	-
Phải trả người bán	530.739.025.275	528.268.219.006	530.739.025.275	528.268.219.006
Chi phí phải trả	-	184.090.909	-	184.090.909
Các khoản phải trả khác	12.611.107.204	5.754.158.317	12.611.107.204	5.754.158.317
	<b>548.880.132.479</b>	<b>534.206.468.232</b>	<b>548.880.132.479</b>	<b>534.206.468.232</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở mục 5.2, 5.3 và 5.12.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	1.415.509.000	1.460.242.000

**9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
<b>Tổng Công ty Dầu Việt Nam</b>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.180.883.280	1.720.873.508
Mua hàng và nhận cung cấp dịch vụ	1.157.532.293.687	1.799.482.884.200

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.2, 5.3 và 5.12.

## 9.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính bởi vì ban Tổng giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và trong lãnh thổ Việt Nam.

## 9.3 Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 Công ty có số dư Nợ ngắn hạn lớn hơn số dư Tài sản ngắn hạn là 238.935.201.410 VND, trong đó khoản phải trả cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (công ty mẹ) là 527.408.907.543 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và thanh toán nợ đến hạn. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty hoạt động có lãi trong tương lai và đảm bảo đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn. Do vậy, các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai.

## 9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**NGUYỄN HANH HOÀNG**  
Người lập



**BÙI MINH HIỆP**  
Kế toán trưởng



**HUỲNH ĐỨC TRƯỜNG**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2020